

Số: 4211/2023/QĐST-DS Thành phố T, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 1034/2023/TLST – DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Nguyên K, sinh năm 1981

Địa chỉ: B L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Lê Minh K1, sinh năm 1998

Địa chỉ: B P, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1973

Địa chỉ: B P, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tô Bảo H, sinh năm 1981

- Bà Huỳnh Thị Hồng G, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: [B P, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh](#)

Người đại diện theo ủy quyền của ông [H](#) và bà [G](#):

Ông [Nguyễn Minh C](#), sinh năm 1973

Địa chỉ: [B P, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh](#)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông [Nguyễn Lê Minh K1](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng N](#) tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2023 là 6.474.243.904 đồng (sáu tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm lẻ bốn đồng). Trong đó nợ gốc là: 4.900.000.000 đồng (bốn tỷ chín trăm triệu đồng); Lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí chậm trả tạm tính là 1.574.243.904 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm lẻ bốn đồng). Thời hạn và phương án thanh toán cụ thể như sau:

(1) Chậm nhất đến hết ngày 24/4/2024 trả số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

(2) Chậm nhất đến hết ngày 24/10/2024 trả số tiền 4.474.243.904 đồng (bốn tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm lẻ bốn đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 25/10/2023, ông [Nguyễn Lê Minh K1](#) phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6300-LAV-201702230 ngày 20/11/2017 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong Hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông [K1](#) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngay khi ông [Nguyễn Lê Minh K1](#) đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 6300-LAV-201702230 ngày 20/11/2017 cho Ngân hàng thì Ngân hàng thực hiện thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông [Nguyễn Tô Bảo H](#) và bà [Huỳnh Thị Hồng G](#) các loại giấy tờ đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6300-LCP-202101198 ngày 23/12/2021, Sổ công chứng 013199, Quyền số 12/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại [Văn phòng C1](#) giữa [Ngân hàng N](#) với ông [Nguyễn Tô Bảo H](#) và bà [Huỳnh Thị Hồng G](#).

Việc giao nhận tiền và giấy tờ do hai bên trực tiếp thực hiện với nhau.

Trong trường hợp ông [Nguyễn Lê Minh K1](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì [Ngân hàng N](#) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 29, [xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH582397, số vào sổ cấp GCN CH04368 do [UBND huyện C](#), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2011, cập nhật chuyển nhượng cho ông [Nguyễn Tô Bảo H](#) và bà [Huỳnh Thị Hồng G](#) ngày 09/5/2017 và Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 29, [xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH582398, số vào sổ cấp GCN CH04369 do [UBND huyện C](#),

Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2011, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tô Bảo H và bà Huỳnh Thị Hồng G ngày 09/5/2017.

Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N, thì ông Nguyễn Lê Minh K1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Lê Minh K1 phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và hoàn trả cho Ngân hàng N.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 57.237.122 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Ông Nguyễn Lê Minh K1 phải chịu và nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 57.237.122 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.929.475 đồng (năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0004134 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Thu Hiền